

Số: /2022/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đo đạc
và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bản đồ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000;

Căn cứ Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 19/2019/TT-BTNMT ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về nội dung và ký hiệu bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BTNMT ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về nội dung và ký hiệu bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 412/TTr-STNMT ngày 20 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2022.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TN.Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

*(Kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản, bản đồ chuyên ngành nêu tại Điều 4 Quy định này trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.
2. Quy định này không áp dụng đối với hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh của quân đội nhân dân và công an nhân dân.
3. Các quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ không nêu trong Quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ, quản lý, lưu trữ, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Điều kiện hoạt động đo đạc và bản đồ, sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức phải có giấy phép hoạt động, cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ do cơ quan có thẩm quyền cấp và đang còn hiệu lực mới được tham gia hoạt động đo đạc, thành lập bản đồ, xuất bản bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.
2. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ trước khi đưa vào sử dụng làm tài liệu, hồ sơ giải quyết các thủ tục hành chính, hồ sơ quản lý nhà nước phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nghiệm thu chất lượng và ký xác nhận sản phẩm đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định.
3. Bản đồ phải ghi rõ cơ sở pháp lý, cơ sở toán học, nguồn gốc xuất xứ, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận mới được lưu trữ, lưu hành sử dụng. Trường hợp xuất bản phải có giấy phép theo quy định của Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội.

Các loại bản đồ không có giấy phép xuất bản hoặc chưa được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, cho phép bằng văn bản thì không được sử dụng, phát hành hay niêm yết tại trụ sở hoặc nơi công cộng.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 4. Các hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản

a) Xây dựng, vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và 1:5.000; thành lập và cập nhật hệ thống bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và 1:5.000.

b) Đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính:

Đo đạc, thành lập bản đồ, phục vụ lập hồ sơ địa giới hành chính và đo đạc, cắm mốc địa giới hành chính các cấp;

Đo đạc, chỉnh lý, bổ sung bản đồ địa giới hành chính theo Nghị quyết, Quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập, chia tách, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; đo đạc phục vụ giải quyết tranh chấp liên quan đến địa giới đơn vị hành chính các cấp.

2. Hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành

a) Thiết lập hệ thống số liệu mạng lưới đo đạc cơ sở chuyên ngành.

b) Đo đạc, thành lập bản đồ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính.

c) Thành lập và hiện chỉnh bản đồ hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

d) Đo đạc, thành lập bản đồ công trình ngầm.

đ) Đo đạc, thành lập bản đồ phục vụ phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

e) Xây dựng, vận hành công trình hạ tầng đo đạc chuyên ngành (mốc đo đạc chuyên ngành; trạm định vị vệ tinh chuyên ngành).

g) Khảo sát, đo đạc phục vụ thiết kế, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

h) Đo đạc, cắm mốc quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, mốc lộ giới giao thông, mốc giới giải phóng mặt bằng, mốc ranh giới tài nguyên khoáng sản và mốc giới các công trình khác theo quy định của Nhà nước.

Điều 5. Đo đạc và thành lập các loại bản đồ

1. Cơ sở toán học

a) Thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về bản đồ

địa chính và Điều 5 Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1.000, 1:5.000.

b) Những công trình đo đạc và bản đồ đã hoàn thành ở hệ quy chiếu và hệ tọa độ HN-72, hệ tọa độ tự do hoặc hệ tọa độ chuyên ngành khác phải chuyển kết quả cuối cùng sang hệ quy chiếu và hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}00'$, múi chiếu 3° trước khi đưa vào sử dụng.

2. Tỷ lệ bản đồ

Việc lựa chọn tỷ lệ bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng, bản đồ chuyên ngành căn cứ theo yêu cầu công việc cụ thể.

Việc lựa chọn tỷ lệ bản đồ địa chính phải đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT.

3. Nội dung bản đồ

a) Đo đạc, thành lập và biên tập nội dung bản đồ địa hình, bản đồ nền địa lý, bản đồ địa chính và các loại bản đồ chuyên ngành thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường và cơ quan chuyên ngành.

b) Đo đạc thành lập, biên tập bản đồ địa chính

Nội dung trình bày bản đồ đối với các sản phẩm bản đồ địa chính theo quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đối với trường hợp đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính để phục vụ đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bồi thường, giải phóng mặt bằng; đấu giá quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác thì phải thể hiện trọn thửa đất có ảnh hưởng bởi chỉ giới dự án để thực hiện cập nhật, chỉnh lý hồ sơ, bản đồ địa chính.

c) Bản đồ hiện trạng (là bản đồ chuyên ngành, phản ánh hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm đo đạc, thể hiện cả nội dung địa chính và các yếu tố địa hình):

Phương pháp đo vẽ trực tiếp hoặc công nghệ GNSS động (xử lý thời gian thực hoặc xử lý sau) được áp dụng để đo vẽ bản đồ ở những nơi chưa có bản đồ địa chính.

Phương pháp đo vẽ chỉnh lý, đo vẽ bổ sung từ bản đồ địa chính được áp dụng ở các khu vực đã có bản đồ địa chính cùng tỷ lệ hoặc nhỏ hơn tỷ lệ bản đồ cần đo vẽ (chỉ áp dụng đối với các trường hợp xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất), khi thành lập được sử dụng bản đồ địa chính làm nền để chỉnh lý nội dung địa chính và đo vẽ bổ sung yếu tố địa hình.

Thể hiện ranh giới các thửa đất, chủ sử dụng đất; các chỉ giới về quy hoạch; ranh giới sử dụng đất theo các quyết định giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có). Thể hiện chỉ giới thực hiện dự án để minh họa lập hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Thể hiện nội dung địa chính theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT, như: Chủ sử dụng đất (hoặc chủ đầu tư), địa điểm, ranh giới các thửa đất, loại đất; các chỉ giới về quy hoạch; ranh giới sử dụng đất theo các quyết định giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ giới thực hiện dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Thể hiện nội dung địa hình theo quy định tại Điều 30 Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT.

d) Biên tập bản đồ

Ký hiệu và phân lớp được quy định tại các quy định ký hiệu bản đồ hiện hành; các ký hiệu cho công trình ngầm chưa được quy định cụ thể cần ghi chú rõ trên bản đồ, các lớp đối tượng công trình ngầm chưa có quy định cụ thể cần được phân lớp theo nhóm đối tượng có cùng tính chất, công dụng.

Điều 6. Lập thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công

1. Nguyên tắc

a) Các công trình, dự án đo đạc và bản đồ phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công trình cơ quan quy định tại Điều 7 Quy định này thẩm định, cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt trước khi thực hiện. Các công trình đo đạc bản đồ để thực hiện các dự án phải lập phương án thi công, chủ đầu tư tự thẩm định và phê duyệt, bao gồm: Đo đạc bản đồ địa hình có diện tích dưới 02 ha; đo đạc bản đồ địa chính dưới 05 ha; đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính có biến động dưới 300 thửa đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, e, g điểm 1.1, khoản 1 Điều 17 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT.

Trích trích đo địa chính thửa đất theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT.

b) Chủ đầu tư sử dụng lựa chọn tổ chức có đủ điều kiện và năng lực được Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có nội dung khảo sát, lập dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ để lập dự án, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ;

c) Việc lập dự toán kinh phí phải dựa trên đơn giá đo đạc và bản đồ do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang và cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Nội dung

a) Nội dung thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc bản đồ địa chính theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT. Đối với các hoạt động đo đạc và bản đồ khác nội dung thiết kế kỹ thuật - dự toán lập theo quy định tại Mẫu số 01 của Phụ lục kèm theo Quyết định này.

b) Nội dung của phương án thi công theo quy định tại Mẫu số 02 của Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 7. Thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán

1. Cơ quan thẩm định

a) Thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ sử dụng ngân sách nhà nước:

Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền) chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan (nếu có) tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán các dự án, công trình đo đạc và bản đồ do Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định đầu tư.

Kết quả thẩm định là căn cứ để phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán và nghiệm thu, thanh toán, quyết toán sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định.

b) Công trình đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước

Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền) thẩm định phần thiết kế kỹ thuật, chủ đầu tư tự thẩm định dự toán kinh phí.

2. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền của cơ quan quyết định đầu tư.

3. Căn cứ, nội dung và thời gian thẩm định

a) Căn cứ để thẩm định bao gồm: Hồ sơ năng lực tổ chức lập thiết kế kỹ thuật - dự toán; báo cáo khảo sát; bản đồ khoanh vẽ và các hồ sơ tài liệu sử dụng trong quá trình khảo sát; bản thiết kế kỹ thuật - dự toán (kèm theo file số); các văn bản sử dụng làm căn cứ để lập thiết kế kỹ thuật - dự toán.

b) Nội dung thẩm định theo Mẫu số 03 của Phụ lục kèm theo Quyết định này.

c) Thời gian thẩm định không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ sản phẩm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 8. Kiểm tra và xác nhận sản phẩm bản đồ

1. Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền) chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, xác nhận các sản phẩm đo đạc và bản đồ, gồm:

a) Sản phẩm đo đạc và bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng các tỷ lệ nhằm phục vụ cho các mục đích: Cấp chỉ giới quy hoạch, lập quy hoạch tổng mặt bằng, quy hoạch khu vực đô thị, khu vực phát triển đô thị, khu chức năng đặc thù, khu vực cần lập quy hoạch phân khu và quy hoạch xây dựng nông thôn; công trình ngầm đô thị; cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; thăm dò, khai thác khoáng sản, tài nguyên và môi trường; quy hoạch nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi;

b) Sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính, trích đo, trích lục địa chính phục vụ công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; bản đồ phục vụ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức, hộ gia đình cá nhân thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp;

c) Sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra và xác nhận các sản phẩm bản đồ sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ giải

quyết các thủ tục hành chính, gồm: Bản đồ trích đo địa chính thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện để phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đơn lẻ, thường xuyên hàng năm thì phải có chữ ký của người thực hiện đo đạc, người kiểm tra và ký duyệt của Giám đốc cơ quan đăng ký đất đai theo quy định tại điểm 7.1 khoản 7 Điều 22 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 3 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

3. Các cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có chức năng kiểm tra phải có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ khi có yêu cầu của cơ quan tài nguyên và môi trường hoặc theo đề nghị của chủ đầu tư và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra, thẩm định.

4. Căn cứ để xác nhận sản phẩm, bao gồm:

- a) Hồ sơ kiểm tra chất lượng cấp chủ đầu tư;
- b) Hồ sơ kiểm tra chất lượng cấp đơn vị thi công;
- c) Sản phẩm đo đạc và bản đồ dạng giấy và dạng số sau khi đã được đơn vị tư vấn giám sát kiểm tra, xác nhận chất lượng;
- d) Bản thiết kế kỹ thuật - dự toán kèm theo quyết định phê duyệt.

Điều 9. Bản đồ địa chính phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Đo đạc chỉnh lý, bổ sung, đo vẽ lại bản đồ địa chính, trích đo địa chính thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 3 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT.

2. Bản đồ địa chính được ký duyệt sau khi được nghiệm thu cấp đơn vị thi công, người sử dụng đất ký Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, được Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) xác nhận đo vẽ phù hợp với hiện trạng (bản đồ lập theo hiện trạng sử dụng đất) làm cơ sở thực hiện kiểm kê tài sản, lập phương án bồi thường.

Sau khi bản đồ được chỉnh lý theo kết quả rà soát, đối chiếu với hồ sơ pháp lý liên quan đến thửa đất, ranh giới, loại đất và diện tích thửa đất đủ điều kiện đề nghị thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường thì Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền) kiểm tra, thẩm định, ký duyệt bản đồ địa chính theo quy định tại Mục 1 phần III Phụ lục số 01 của Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT.

Trường hợp các dự án thuộc danh mục Nhà nước thu hồi đất nhưng một số chủ sử dụng đất không đồng tình với chủ trương, không ký Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất (còn ít hơn 30% số lượng thửa), phải áp dụng các biện pháp kiểm đếm bắt buộc theo các Điều 22, 23, 24 của Quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày

21/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản xác nhận thể hiện trên bản đồ địa chính đảm bảo độ chính xác, phù hợp với hiện trạng sử dụng đất, Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền) kiểm tra, thẩm định, ký duyệt nghiệm thu theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT.

Điều 10. Giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được thành lập theo quy định này được giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất) để quản lý, lưu trữ, cập nhật, cung cấp, khai thác theo quy định.

2. Sản phẩm, dữ liệu giao nộp được quy định trong thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc phương án thi công đã được phê duyệt.

3. Trình tự giao nộp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ cho Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Sản phẩm giao nộp phải được thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Chủ đầu tư, đơn vị thi công, đơn vị kiểm tra chất lượng và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật ký tên, đóng dấu xác nhận trong các tài liệu theo quy định, được Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất thẩm định khối lượng, chất lượng sản phẩm và cho phép nhập kho bằng văn bản.

b) Đơn vị thi công có trách nhiệm giao nộp sản phẩm đo đạc và bản đồ, thông báo bằng văn bản kèm theo sản phẩm về việc giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường (đơn vị tiếp nhận là Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất) trước 05 (năm) ngày làm việc để chuẩn bị các điều kiện tiếp nhận, đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm nhận sản phẩm đồng thời lập biên bản giao nộp sản phẩm với đơn vị thi công làm căn cứ thanh toán, quyết toán công trình.

c) Mẫu Biên bản thực hiện theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Phụ lục số 17 của Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT (đối với sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính) và Mẫu số 15, Phụ lục 3 của Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

d) Đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đơn vị thi công về địa điểm, phương thức giao nhận sản phẩm, bố trí đủ lực lượng để tiếp nhận sản phẩm trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc.

đ) Văn bản xác nhận việc giao nộp lưu trữ hoặc phiếu nhập kho của Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất là căn cứ để quyết toán và thanh toán công trình, dự án.

Các nội dung khác thực hiện theo Điều 10 của Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 71/2021/QĐ-UBND ngày 19/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 11. Cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ

Việc cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 71/2021/QĐ-UBND.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì rà soát, xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành mới đơn giá đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh; tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật-dự toán theo quy định tại Điều 7, thẩm định và xác nhận sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định tại Điều 8 của Quy định này;

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch, dự án về đo đạc và bản đồ của ngành và địa phương, đảm bảo không chồng chéo với kế hoạch, dự án của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ và của các Bộ, ngành khác;

c) Tổ chức, quản lý việc triển khai các hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy hoạch, kế hoạch; quản lý hệ thống tư liệu đo đạc và bản đồ trên toàn tỉnh; quản lý việc bảo mật, lưu trữ, cung cấp khai thác sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ; quản lý việc bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc và bản đồ theo quy định;

d) Thẩm định hồ sơ và đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp mới, cấp bổ sung hoặc thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho các tổ chức; kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ của các tổ chức và cá nhân theo quy định; cấp mới, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II theo quy định tại Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội;

đ) Quản lý và tổ chức thực hiện việc xây dựng, cập nhật, khai thác hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đo đạc và bản đồ; tiếp nhận, lưu trữ, cập nhật, công bố và cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao;

e) Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về chủ quyền quốc gia, địa giới hành chính, địa danh thuộc tỉnh; ấn phẩm bản đồ có sai sót về kỹ thuật;

g) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức trực tiếp bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật có liên quan đến bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; công bố công khai mốc giới, ranh giới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; kịp thời xử lý những trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; đề xuất việc di dời

mốc đo đạc trên diện tích đất đã giao cho cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật;

h) Hướng dẫn hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chủ trì triển khai tổ chức phổ biến Luật Đo đạc và bản đồ đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tốt công tác quản lý và triển khai hoạt động đo đạc và bản đồ tại địa phương theo quy định;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch, dự án về đo đạc và bản đồ của địa phương, đảm bảo phù hợp với kế hoạch, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt;

d) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã cắm mốc giới và bàn giao đất cho hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền.

e) Hàng năm báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ, tình trạng công trình hạ tầng đo đạc gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức tuyên truyền phổ biến đến mọi công dân có ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ;

b) Ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật về hoạt động đo đạc, bản đồ và bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc, bản đồ tại địa phương;

c) Phối hợp với các ngành để tiếp nhận, quản lý hệ thống bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, giao thông theo quy định.

4. Các sở, ngành có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong lập dự án, triển khai, nghiệm thu, giao nộp sản phẩm, công trình đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 13. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và pháp luật có liên quan khác khi tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Chủ đầu tư và đơn vị thi công công trình đo đạc và bản đồ có trách nhiệm lập hồ sơ và bàn giao công trình cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt công trình theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc theo quy định của pháp luật.

4. Không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ.

5. Đề xuất và kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản định chỉ phát hành hoặc thu hồi: Các ấn phẩm bản đồ có sai sót về việc thể hiện địa giới hành chính, địa danh; sản phẩm bản đồ có sai sót về kỹ thuật; sản phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định của Luật Xuất bản.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, các sở, ngành, địa phương, đơn vị và cá nhân có liên quan kịp thời thông tin, phản ánh (bằng văn bản) qua Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND
ngày tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

TT	Mẫu số	Nội dung
1	Mẫu số 01	Đề cương Thiết kế kỹ thuật - dự toán
2	Mẫu số 02	Đề cương Phương án thi công
3	Mẫu số 03	Nội dung thẩm định Thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ

Mẫu số 01: Đề cương Thiết kế kỹ thuật-dự toán**ĐỀ CƯƠNG
THIẾT KẾ KỸ THUẬT-DỰ TOÁN**

1. Sự cần thiết phải đo đạc, thành lập bản đồ.
2. Cơ sở pháp lý và các văn bản sử dụng trong thiết kế, thi công.
3. Mục đích, yêu cầu, phạm vi của nhiệm vụ, khối lượng công việc.
4. Đặc điểm địa hình, tình hình kinh tế xã hội của địa phương nơi thực hiện dự án, công trình đo đạc lập bản đồ.
5. Tình hình đo đạc lập bản đồ của địa phương; hiện trạng và khả năng sử dụng tư liệu, tài liệu đo đạc và bản đồ, các tư liệu ảnh và các loại tài liệu, bản đồ khác.
6. Thực trạng nguồn nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật, năng lực thực hiện dự án, công trình đo đạc và bản đồ của các đơn vị thuộc cơ quan quản lý địa phương;
7. Thiết kế và giải pháp kỹ thuật từ tổng thể đến chi tiết cho từng hạng mục.
8. Kế hoạch thực hiện.
9. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu, giao nộp sản phẩm.
10. Tổng hợp các hạng mục công việc, phân loại khó khăn.
11. Dự toán kinh phí.
12. Đánh giá tính khả thi và rủi ro thực hiện dự án, công trình.

Mẫu số 02: Đề cương Phương án thi công

**ĐỀ CƯƠNG
PHƯƠNG ÁN THI CÔNG**

1. Căn cứ lập phương án.
2. Tóm tắt mục tiêu, mục đích, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng.
3. Tóm tắt giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện.
4. Dự toán kinh phí thực hiện.

Mẫu số 03: Nội dung thẩm định Thiết kế kỹ thuật-dự toán**NỘI DUNG THẨM ĐỊNH
THIẾT KẾ KỸ THUẬT-DỰ TOÁN ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

1. Sự cần thiết thực hiện dự án đo đạc, thành lập bản đồ.
2. Tính đầy đủ khách quan của báo cáo khảo sát.
3. Phạm vi thực hiện và giải pháp kỹ thuật công nghệ.
4. Việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về đo đạc và bản đồ.
5. Thẩm định về khối lượng và mức khó khăn đối với từng hạng mục.
6. Việc áp dụng đơn giá, định mức kinh tế-kỹ thuật xây dựng dự toán kinh phí, kết luận về tổng kinh phí (đối với dự án đo đạc và bản đồ sử dụng ngân sách Nhà nước).
7. Trách nhiệm về giao nộp sản phẩm.